

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 54/2025/HS-ST
Ngày: 17-03-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hà Thị Vũ,

Ông Lò Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Kim Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HS ngày 17/02/2025; Thông báo sửa chữa, bổ sung Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/TB-TA, ngày 18/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/HSST-QĐ ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo:

Trần Nguyên N, sinh ngày 12/10/1959, tại xã Tiến Đ, huyện H, tỉnh T; Nơi đăng ký HKTT: số M, ngách N, phường C, quận Đ, TP. Hà Nội; Nơi đăng ký tạm trú và nơi ở hiện nay: thôn X, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Số thẻ CCCD: 03405900xxx, cấp ngày 26/02/2022; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Chức vụ trước khi phạm tội: Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại D; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1932; có Vợ: Diệp Thị H, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo không bị tạm giam, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2024 cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Điện Biên nay gọi là Đội thuế liên huyện Đ – B thuộc Chi cục thuế khu vực IX. Địa chỉ trụ sở: xã Thanh X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên .

Người đại diện theo pháp luật: ông Đào Viết T, Chức vụ: Đội trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Quang S, sinh năm: 1970; chức vụ: Phó Đội trưởng theo văn bản ủy quyền lập ngày 16/3/2025, có mặt.

2.2. Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Diệp Thị H, sinh năm 1978, địa chỉ: số M, ngách N, phường C, quận Đ, TP. Hà Nội, vắng mặt không có lý do.
2. Bà Lê Thị G, sinh năm: 1988, địa chỉ: thôn Duyên T, xã Y, huyện Yên Đ, tỉnh Thanh Hoá, vắng mặt có lý do.
3. Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1967, địa chỉ: bản S, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.
4. Ông Trần Dũng S, sinh năm: 1971, địa chỉ: tổ Q, phường Quyết T, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt không có lý do.
5. Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm: 1981, địa chỉ: tổ A, phường Tô H, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.
6. Bà Đặng Thị N, sinh năm: 1990, địa chỉ: tổ H, thị trấn Sông M, huyện Sông M, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.
7. Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1980, địa chỉ: thôn Tiến T, xã Thanh Y, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.
8. Bà Vũ Thị N, sinh năm: 1959, địa chỉ: số nhà L, tổ P, phường Thanh T, thành phố Điện B, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.
9. Ông Nguyễn Quang M, sinh năm: 1978, địa chỉ: bản P, xã Pú H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.
10. Ông Tòng Văn T, sinh năm 1986, địa chỉ: bản K, xã Xuân L, huyện Mường A, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.
11. Bà Không Kim Y, sinh năm 1986, địa chỉ: tổ Y, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.
12. Ông Đào Văn V, sinh năm 1995, địa chỉ: thôn C, xã Thanh X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Ngọc D (có tên gọi tắt là Công ty Ngọc D) được Sở Công thương tỉnh Điện Biên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên số 5600218xxx, đăng ký lần đầu ngày 11/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/4/2024; địa chỉ trụ sở: thôn X, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Vốn điều lệ: 05 tỷ đồng, trong đó: bị cáo Trần Nguyên N giữ chức vụ Giám đốc và là Người đại diện theo pháp luật của công ty; bị cáo N góp vốn 50%, ông Trần Quốc T đứng tên góp vốn 50%. Ngành nghề kinh doanh chính: khai thác, chế biến và mua bán đá, cát;

Công ty Ngọc D thực hiện kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Năm 2015, Công ty Ngọc D được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên cấp phép khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ Mường N 1, xã Mường N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 26/GP-UBND ngày 11/11/2015 sau đó được điều chỉnh tại Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, với trữ lượng khai thác: 253.831m³, thời hạn khai thác: 20 năm. Bị cáo Trần Nguyên N là người trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của mỏ đá Mường N 1; ông Trần Quốc T chỉ đứng tên góp vốn trên danh nghĩa, ông Trãi không góp vốn, cũng không tham gia điều hành công ty; bà Diệp Thị H là vợ của bị cáo Trần Nguyên N được phân công lái máy xúc đá lên xe cho khách hàng và ghi phiếu xuất kho; chị Lê Thị G được bị cáo N thuê làm kế toán dịch vụ cho công ty nhưng không ký kết hợp đồng lao động.

Từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2023, bị cáo Trần Nguyên N với danh nghĩa là Giám đốc Công ty Ngọc D đã bán đá khai thác tại mỏ Mường N 1, xã Mường N, huyện Đ cho các khách hàng nhưng không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không xuất hoá đơn khi bán hàng, cụ thể:

Từ tháng 5/2022 đến tháng 9/2023: bán cho ông Trần Dũng S, sinh năm 1971, địa chỉ: tổ 8, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La. Tổng khối lượng đá 17.445m³, trị giá 3.823.750.000 đồng (*Ba tỷ tám trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó gồm: 1.538m³ đá 0,5; 7.599m³ đá 1x2; 1.189m³ đá 2x4; 6.578m³ đá 4x6 và 541m³ đá hộc .

Từ ngày 17/3/2023 đến ngày 15/5/2023: bán cho ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1981, địa chỉ: tổ 6, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La tổng khối lượng đá 2.154m³, trị giá 480.150.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó gồm: 42 m³ đá hộc; 247 m³ đá 1x2; 1.006 m³ đá 2x4 và 859 m³ đá 4x6.

Tháng 12/2023, bán cho ông Đào Văn V, sinh năm 1995, địa chỉ: thôn C9, xã Thanh X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tổng trị giá là 23.070.000 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó: 43 m³ đá 1x2, trị giá 12.470.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*); số còn lại không xác định được khối lượng, chủng loại đá cụ thể.

Từ ngày 18/5/2023 đến 29/5/2023, bị cáo Trần Nguyên N còn xuất bán đá cho một số cá nhân nhưng chỉ xác định được số tiền thanh toán, không xác định được khối lượng, chủng loại đá cụ thể, gồm:

- Bà Đặng Thị N, sinh năm 1990, địa chỉ: tổ 3, thị trấn Sông M, huyện S, tỉnh Sơn La thu tổng số tiền 177.820.000 đồng (*Một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1959, địa chỉ: tổ 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thu được 61.000.000 đồng (*Sáu mươi một triệu đồng*);

- Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1980, địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thu 82.400.000 đồng (*Tám mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*);

- Ông Tòng Văn T, sinh năm 1986, nơi thường trú: bản K, xã X, huyện Mường A, tỉnh Điện Biên thu được 14.760.000 đồng (*Mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*);

- Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1978, nơi thường trú: bản P, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thu 15.400.000 đồng (*Mười năm triệu bốn trăm nghìn đồng*);

- Bà Khổng Kim Y, sinh năm 1986, nơi thường trú: số nhà X, tổ Y, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thu được 75.180.000 đồng (*Bảy mươi năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tổng cộng, bị cáo Trần Nguyên N đã bán đá các loại cho các khách hàng trên thu tổng số tiền 4.753.530.000 đồng (*Bốn tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*), trong đó số đá xác định được khối lượng, chủng loại là 19.642m³ gồm: 1.538m³ đá 0,5; 7.889m³ đá 1x2; 2.195m³ đá 2x4; 7.437m³ đá 4x6 và 583m³ đá hộc tổng trị giá là 4.316.370.000 đồng (*Bốn tỷ ba trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*); còn lại 437.160.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*) không xác định được khối lượng, chủng loại đá.

Tiền bán đá được các khách hàng thanh toán, chuyển khoản vào tài khoản mang tên cá nhân bị cáo Trần Nguyên N với tổng số tiền 4.700.490.000 đồng (*Bốn tỷ bảy trăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*), trong đó chuyển vào tài khoản số 8912019993xxx mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên là 4.558.160.000 đồng, chuyển tài khoản số 36099002590xxx mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Điện Biên là 142.330.000 đồng.

Tại Kết luận giám định về thuế ngày 26/9/2024 của Tổ giám định tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh Điện Biên đã ban hành Kết luận: căn cứ các chính sách pháp luật và các quy định pháp luật có liên quan; hồ sơ tài liệu cung cấp theo Quyết định trưng cầu giám định số 792/QĐ-CSKT ngày 14/8/2024 và Văn bản số 503/CSKT ngày 11/9/2024 về việc cung cấp thông tin phục vụ giám định ủa cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên. Tổ giám định đã tiến hành giám định việc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Ngọc D đã bán khối lượng đá (không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu từ việc bán đá và dịch vụ bốc xúc,...) trong năm 2022 và năm 2023 [xác định được khối lượng đá bán (tổng số 19.642m³, trong đó: năm 2022 là 2.376m³; năm 2023 là 17.266m³); giá bán từng loại đá: tổng số tiền bán đá 4.316.370.000 đồng, trong đó: số tiền bán đá năm 2022 là 512.160.000 đồng; số tiền bán đá năm 2023 là 3.804.210.000 đồng] và số đá bán năm 2023 không xác định được

khối lượng, giá bán, chỉ xác định được số tiền bán đá là 437.160.000 đồng là có gây thiệt hại về thuế, phí cho nhà nước. Tổng số thuế, phí thiệt hại là: 1.590.099.840 đồng (*Một tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng*), trong đó:

- Tổng số thiệt hại về thuế, phí năm 2022 là: 184.282.855 đồng.
- Tổng số thiệt hại về thuế, phí năm 2023 là: 1.405.816.985 đồng.

Cáo trạng số 10/CT-VKSĐB-P1 ngày 15/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Trần Nguyên N về tội “*Trốn thuế*” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Nguyên N đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau: Tuyên bố bị cáo Trần Nguyên N phạm tội Trốn thuế, áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Nguyên N 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 200 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 1.590.099.840 đồng của bị cáo Trần Nguyên N. Hoàn trả lại cho Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Điện Biên số tiền 1.590.099.840 đồng trong tài khoản số 3949.0.1011953 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau: tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 vỏ màu đen; số IMEI 1: 354690577023xxx, số IMEI 2: 355864867025xxx thu giữ của bị cáo Trần Nguyên N.

Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Nguyên đơn dân sự ông Đinh Quang S (đại diện của Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Điện Biên nay là Đội thuế liên huyện Đ - B) trình bày: Chi cục Thuế huyện Đ nay là Đội thuế liên huyện Đ - B là đơn vị quản lý Nhà nước về Thuế đối với Công ty TNHH xây dựng và thương mại Ngọc D, mã số thuế: 5600218xxx, địa chỉ trụ sở: thôn X, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Theo kết luận của Tổ giám định tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh Điện Biên, hành vi của bị cáo N đã gây thiệt hại về thuế, phí cho Nhà nước tổng số tiền: 1.590.099.840 đồng (*Một tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng*). Chi cục Thuế huyện Đ nay là Đội thuế liên huyện Đ - B yêu cầu bị cáo N

phải bồi thường thiệt hại cho Đội thuế liên huyện Đ - B số tiền thiệt hại trên để nộp vào ngân sách nhà nước.

Người có nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị H trình bày tại Cơ quan điều tra: bà là vợ của bị cáo N, từ năm 2015 đến tháng 01/2024, bà được bị cáo N giao thực hiện công việc trông nom mỏ đá, làm thủ kho vật liệu nổ, phụ máy nghiền, bán hàng (lái máy xúc để xúc đá lên xe ô tô đến chở đá), ghi phiếu xuất kho bán hàng, giao phiếu xuất kho cho lái xe tại mỏ đá Mường N 1. Khi có xe đến mỏ mua đá, căn cứ vào khối lượng và chủng loại đá khách mua, bà sẽ lập phiếu xuất kho, xúc đá lên xe. Bà chỉ làm những công việc được phân công ở trên, còn việc tổng hợp số lượng khai thác, thoả thuận giao dịch mua bán đá, chốt công nợ, thanh toán tiền đều do chồng là bị cáo N trực tiếp thực hiện.

Người có nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị G trình bày tại Cơ quan điều tra: chị được thuê làm kế toán thuế cho công ty Ngọc D từ tháng 4/2020 đến tháng 3/2024 nhưng không ký kết hợp đồng lao động; ông Ngọc thuê chị làm kế toán thực hiện báo cáo, kê khai thuế, công việc cụ thể là: nhận chứng từ do bị cáo N cung cấp để tổng hợp, thực hiện các thủ tục kê khai, quyết toán các loại thuế, phí (lập báo cáo tài chính, tờ khai thuế tài nguyên, tờ khai phí bảo vệ môi trường); xuất hoá đơn giá trị gia tăng điện tử theo chỉ đạo của bị cáo N. Thực tế hoạt động của doanh nghiệp như thế nào thì chị không biết, chị chỉ là kế toán dịch vụ không làm thường xuyên tại Công ty.

Người có nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T trình bày tại Cơ quan điều tra: ông là em rể của bị cáo N, nhiều năm trước bị cáo N rủ ông góp vốn tham gia thành lập công ty kinh doanh nhưng ông không đồng ý. Sau đó, bị cáo N hỏi mượn chứng minh nhân dân của ông để đăng ký cho đủ thủ tục, ông đã đồng ý và cho bị cáo N mượn. Cách đây vài năm ông cũng cho bị cáo N mượn căn cước công dân để đăng ký lại doanh nghiệp, thực tế ông và gia đình ông không tham gia góp vốn với bị cáo N. Công ty Ngọc D 100% thuộc sở hữu của một mình bị cáo N, ông không tham gia hoạt động kinh doanh nào của Công ty.

Người có nghĩa vụ liên quan ông Trần Dũng S trình bày: ông là Giám đốc Công ty TNHH MTV S Tây Bắc. Năm 2021, công ty ông trúng thầu thi công công trình trên địa bàn huyện C cần lượng đá rất lớn, qua một số người dân mua đá xây dựng trên địa bàn huyện ông biết được có Công ty Ngọc D (do bị cáo N làm Giám đốc) đang khai thác mỏ đá ở xã Mường N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên có nhiều loại đá bán. Ông liên hệ với bị cáo N và thoả thuận thống nhất về giá bán, hàng hóa, số lượng, phương tiện vận chuyển, xuất hóa đơn GTGT; việc mua bán giữa hai bên đều lập thành có hợp đồng. Đến giữa năm 2022, ông cho xe công ty đến chở đá và giao bà Hoàng Thị A – kế toán Công ty S thực hiện theo dõi lượng đá vận chuyển và đối chiếu công nợ, giao cho Trần Thị Thu H – Thủ quỹ (con gái ông) thực hiện việc thanh toán tiền mua đá cho ông Ngọc. Tổng cộng số đá mà Công ty Ngọc D đã xuất bán cho ông là 17.445m³, với giá trị 3.823.750.000 đồng. Ông đã thanh toán 3.770.710.000 đồng, còn 53.040.000 đồng ông không chấp nhận thanh toán do Công ty Ngọc D tự ý báo tăng giá sau khi đã giao hàng hoặc không có chữ ký lái xe trong phiếu xuất kho. Đến nay

Công ty Ngọc D vẫn chưa xuất hóa đơn GTGT cho ông, cho nên toàn bộ chi phí mua đá của Công ty Ngọc D ông không hạch toán vào chi phí doanh nghiệp được mà do cá nhân ông tự chi trả.

Người có nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công Đ trình bày: ông là Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng X (địa chỉ: bản Q, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La), ngành nghề chính là thi công các công trình xây dựng, giao thông. Đầu năm 2023, công ty ông thi công công trình tại huyện C, tỉnh Sơn La có nhu cầu sử dụng đá xây dựng, qua anh em giới thiệu ông biết bị cáo N có mỏ đá ở xã Mường N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Ông liên hệ với bị cáo N đặt mua đá, từ ngày 17/3/2023 đến ngày 15/5/2023, ông đã mua của bị cáo N tổng khối lượng 2.154m^3 với giá trị 480.150.000 đồng. Việc mua bán đá không lập hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói; lúc đầu bị cáo N hứa sẽ xuất được hoá đơn GTGT, nhưng về sau không xuất hoá đơn nên đến tháng 05/2023 ông không lấy đá nữa. Đến nay công ty Ngọc D cũng chưa xuất hoá đơn GTGT cho ông. Do đó, toàn bộ chi phí mua đá của công ty Ngọc D không hạch toán vào chi phí doanh nghiệp được.

Người có nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N trình bày lời khai tại Cơ quan điều tra: bà là kế toán của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng S do ông Nguyễn Công Đ làm Giám đốc (có hợp đồng lao động). Bà có nhiệm vụ là theo dõi, đối chiếu, thanh toán công nợ các đối tác cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty S. Năm 2023, theo chỉ đạo của ông Nguyễn Công Đ, bà có trao đổi qua Zalo với bị cáo N đối chiếu khối lượng đá Công ty S mua của bị cáo N. Ngoài công ty 378, năm 2023 bà cũng mua đá của bị cáo N để sử dụng vào công trình làm kè của gia đình bà, ông Ngọc không xuất hoá đơn GTGT cho công ty S và cá nhân bà khi mua đá.

Người có nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình D trình bày tại Cơ quan điều tra: ông là Giám đốc Công ty TNHH D (địa chỉ: số nhà A, tổ S, phường T, TP. Đ, tỉnh Điện Biên). Ngành nghề chính của công ty là xây dựng công trình giao thông, thuỷ lợi, xây dựng... Trong năm 2023, ông có mua đá của ông D ở mỏ đá Mường N về để xây dựng nhà cho bố mẹ ông ở xã Y, số lượng đá và số tiền mua bao nhiêu ông không nhớ. Đến nay bị cáo N vẫn chưa xuất hoá đơn GTGT cho ông.

Người có nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị N trình bày tại Cơ quan điều tra: Năm 2023, bà có liên hệ bị cáo N để mua đá ở mỏ đá Mường N sử dụng xây nhà và sửa chữa kè của nhà con trai bà. Về khối lượng bà không nhớ chính xác mua bao nhiêu khối đá. Tổng số tiền mua đá mà bà trả cho bị cáo N là 61.000.000 đồng. Từ khi bà mua đá đến nay, do mua để sử dụng mục đích cá nhân nên bà không yêu cầu bị cáo N xuất hoá đơn, bị cáo N và công ty Ngọc D không xuất hoá đơn GTGT cho bà.

Người có nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang M trình bày tại Cơ quan điều tra: từ khoảng tháng 4 đến tháng 8/2023, ông có mua đá tại mỏ đá Mường N 1 của Công ty Ngọc D (do bị cáo N làm Giám đốc), do thời gian mua đã lâu

nên ông không nhớ đã lấy những loại đá nào, số lượng bao nhiêu. Số tiền ông đã mua đá của bị cáo N là 15.400.000 đồng, mua để làm nhà, làm kê nhà, không làm hợp đồng với Công ty, không yêu cầu lấy hoá đơn GTGT, công ty cũng không xuất hoá đơn cho ông. Việc thanh toán tiền đá giữa ông và bị cáo N căn cứ theo khối lượng đá thực tế ông lấy tại mỏ đá của công ty Ngọc D.

Người có nghĩa vụ liên quan ông Tòng Văn T trình bày tại Cơ quan điều tra: ông là lái xe thời vụ của Công ty TNHH M Điện Biên. Năm 2023, ông có đến mỏ đá Mường N 1 của bị cáo N để mua đá vì có người ở xã P, huyện Đ nhờ mua giúp đá làm nhà và công trình phụ. Khi đi chở hộ ông có nói với ông Q (Giám đốc Công ty TNHH M) cho phép ông dùng xe ô tô chở hàng để kiếm thêm thu nhập, ông Q đồng ý. Ông không nhớ chính xác về khối lượng đá mà ông mua tại mỏ Mường N 1, về tiền mua đá ông nhờ chị T là kế toán Công ty chuyển khoản số tiền 14.760.000 đồng vào tài khoản của bị cáo N.

Người có nghĩa vụ liên quan bà Khổng Kim Y trình bày tại Cơ quan điều tra: năm 2023 bà có mua đá và đá base của bị cáo N tại mỏ đá Mường N. Bà không nhớ chính xác khối lượng đá mua của bị cáo N, mục đích mua đá và đá base là để cho anh Đặng Công T đổ bê tông sân và sửa nhà, anh T nhờ bà mua giúp. Anh Đặng Công T đưa cho bà 75.180.000 đồng tiền mặt, sau đó bà nhờ anh Lương Văn B chuyển khoản cho bị cáo N 06 lần. Đến nay bị cáo N chưa xuất hoá đơn GTGT cho bà.

Người có nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn V trình bày tại Cơ quan điều tra: cuối năm 2023, do ông sửa lại sân nhà ở thôn H, xã A, huyện Đ nên ông đã mua đá và đá base của bị cáo N với tổng số tiền 23.070.000 đồng, còn khối lượng bao nhiêu thì ông không nhớ. Bị cáo N không xuất hoá đơn GTGT cho ông.

Trong phần tranh luận: đại diện Viện kiểm sát nhân dân, bị cáo, nguyên đơn dân sự không đối đáp về nội dung gì. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về tội danh cũng như hình phạt; đại diện cho Nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo đã nhận thức được sai phạm và nộp tiền khắc phục toàn bộ thiệt hại về thuế, phí cho nhà nước. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Ông Nguyễn Công Đ, ông Nguyễn Đình D, bà Đặng Thị N, chị Lê Thị G, ông Trần Quốc T có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Bị cáo Trần Nguyên N là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Ngọc D (gọi tắt là Công ty Ngọc D); người quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động kê khai nộp thuế và các hoạt động khác của công ty. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2023, bị cáo Trần Nguyên N đã bán đá được khai thác hợp pháp tại điểm mỏ Mường N 1, xã Mường N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cho nhiều khách hàng nhưng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng; không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp của Công ty Ngọc D. Tổng số 19.642m³ đá các loại, trong đó: năm 2022 là 2.376m³; năm 2023 là 17.266m³; tổng số tiền bán đá 4.316.370.000 đồng, trong đó: số tiền bán đá năm 2022 là 512.160.000 đồng; số tiền bán đá năm 2023 là 3.804.210.000 đồng và số đá bán năm 2023 không xác định được khối lượng, giá bán, chỉ xác định được số tiền bán đá là 437.160.000 đồng. Việc bán đá không xuất hóa đơn giá trị gia tăng; không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp của Công ty Ngọc D, gây thiệt hại về thuế, phí cho Nhà nước cụ thể như sau:

Năm 2022:

- Thuế giá trị gia tăng: 46.560.000 đồng;
- Thuế tài nguyên phải nộp: 46.560.000 đồng;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 81.969.286 đồng;
- Phí bảo vệ môi trường: 9.193.569 đồng.

Tổng cộng thuế, phí năm 2022 là: 184.282.855 đồng

Năm 2023:

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp là: 345.837.273 đồng;
- Thuế tài nguyên phải nộp: 345.837.273 đồng;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 609.533.709 đồng;
- Phí bảo vệ môi trường: 64.866.912 đồng.

- Đối với số tiền bán đá năm 2023 không xác định được khối lượng 437.160.000 đồng; xác định được số tiền thuế GTGT phải nộp là: 39.741.818 đồng; cơ quan giám định không xác định được thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp và phí bảo vệ môi trường do không có đủ tài liệu, thông tin theo quy định của pháp luật.

Tổng cộng thuế, phí năm 2023 là: 1.405.816.985 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với đơn tố giác tội phạm (BL 01-03); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 03); kết luận giám định (BL 85-94); biên bản ghi lời khai của người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Trần Nguyên N dưới danh nghĩa là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Ngọc D đã không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không xuất hóa đơn khi bán đá để trốn thuế, trốn phí với tổng số tiền 4.753.530.000 đồng, gây thiệt hại về thuế, phí cho Nhà nước là 1.590.099.840 đồng; bị cáo thực hiện hành vi nhân danh cá nhân, không bàn bạc với ai, không vì lợi ích chung của Công ty Ngọc D. Hành vi của bị cáo gây nguy hại lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Trốn thuế, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng 10/CT-VKSDB-P1 ngày 15/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Trần Nguyên N về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi trốn thuế là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả do hành vi trốn thuế gây ra nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo xâm phạm tới lợi ích của Nhà nước trong hoạt động thu thuế, nộp thuế cho ngân sách Nhà nước; bị cáo phạm tội vì lợi ích cá nhân.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo

Bị cáo Trần Nguyên N có trình độ Đại học Luật; từ năm 2000 đến năm 2014 công tác tại Công ty xây lắp và sản xuất công nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp; năm 2014 nghỉ hưu; thời điểm phạm tội bị cáo giữ chức vụ Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Ngọc D. Bị cáo không có tiền sự, không có tiền án. Mặc dù, bị cáo có nhiều lần bán đá không xuất hóa đơn GTGT, không vào sổ ghi chép kế toán nhưng những lần này chưa đủ cấu thành tội phạm nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Về các tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ số tiền 1.590.099.840 đồng gây thiệt hại cho Nhà nước; bị cáo có bố đẻ là ông Trần Văn Đ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì; bà nội Trần Thị

N được truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng; quá trình hoạt động doanh nghiệp đã có đóng góp cho huyện Đ và Doanh nghiệp do bị cáo làm chủ được Chủ tịch UBND huyện Đ tặng thưởng giấy khen năm 2021; bị cáo có nhiều bệnh nền, sức khỏe yếu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể cải tạo, giáo dục bị cáo. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình phạt chính đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có tài sản giá trị; bản thân tuổi đã cao, có tiền sử bệnh cao huyết áp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 200 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Trách nhiệm bồi thường dân sự

Nguyên đơn dân sự Chi cục Thuế huyện Đ, tỉnh Điện Biên nay là Đội thuế liên huyện Đ - B thuộc Chi cục thuế khu vực IX yêu cầu bị cáo Trần Nguyên N phải nộp, khắc phục số tiền đã trốn thuế là có căn cứ phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên buộc bị cáo N phải nộp toàn bộ số tiền đã trốn thuế, trốn phí là 1.590.099.840 đồng (*Một tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng*) cho Đội thuế liên huyện Đ - B. Ghi nhận việc bị cáo N đã tự nguyện nộp khắc phục toàn bộ số tiền 1.590.099.840 đồng, số tiền này hiện nay đang trong tài khoản số 3949.0.1011953.00000 của Cục thi hành án tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên.

[8] Các vấn đề khác của vụ án

Đối với pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Ngọc D, quá trình tố tụng không có căn cứ xác định việc trốn thuế có sự chỉ đạo, điều hành của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội của bị cáo không vì lợi ích của Công ty và không nhân danh Công ty nên không có đủ cơ sở để xử lý hình sự pháp nhân thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Ngọc D theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bà Diệp Thị H và chị Lê Thị G là những người thực hiện công việc

theo phân công của bị cáo N, không được trao đổi, bàn bạc thống nhất về việc bán đá không xuất hóa đơn GTGT và không kê khai nộp thuế. Bà H và chị G không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của bị cáo N, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên không đề cập xem xét xử lý, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Trần Quốc T là người cho bị cáo N mượn giấy tờ cá nhân để đăng ký thành viên doanh nghiệp; thực tế ông T không tham gia góp vốn, không tham gia các hoạt động của doanh nghiệp. Ông T không biết việc bị cáo N bán đá nhưng không xuất hóa đơn GTGT và không kê khai nộp thuế, ông cũng không nhận được lợi ích gì từ doanh nghiệp hay bị cáo N, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên không đề cập xem xét xử lý là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các công ty và cá nhân mua đá của bị cáo N: quá trình điều tra cho thấy họ không hạch toán chi phí mua hàng, không kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào; mua đá để sử dụng cho mục đích dân sự, cá nhân và gia đình hoặc vận chuyển thuê lấy tiền cược. Cũng không được bị cáo N trao đổi, thỏa thuận nội dung gì về việc không hoạch toán doanh thu, không kê khai nộp thuế của Công ty Ngọc D, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên không đề cập xử lý là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận

[8] Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 vỏ màu đen thu giữ của bị cáo Trần Nguyên N, đã làm rõ thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo; bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí

Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Kiến nghị

[10.1] Kiến nghị Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Ngọc D nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật liên quan đến việc kê khai nộp các loại thuế, phí cho ngân sách nhà nước; tuân thủ quy định về sử dụng hóa đơn khi bán hàng; mở sổ theo dõi, thống kê đầy đủ, đúng thực tế sản lượng khoáng sản đã khai thác bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật về kế toán và Luật khoáng sản không để xảy ra vi phạm tương tự.

[10.2] Kiến nghị cơ quan thuế tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về thuế trong khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Ngọc D nói riêng và các pháp nhân thương mại kinh doanh trong

lĩnh vực này trên địa bàn tỉnh nói chung. Kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót để yêu cầu khắc phục tránh thất thu thuế cho ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Trần Nguyên N phạm tội Trốn thuế. Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 92 của Luật thi hành án hình sự: xử phạt bị cáo Trần Nguyên N 02 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/3/2025).

Giao bị cáo Trần Nguyên N cho UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Trần Nguyên N thay đổi nơi cư trú thì UBND xã Noong Hẹt có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Điện Biên để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho UBND cấp xã, phường, thị trấn nơi bị cáo Trần Nguyên N đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Gia đình của bị cáo Trần Nguyên N có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Trách nhiệm bồi thường dân sự

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Trần Nguyên N phải nộp số tiền đã trốn thuế, trốn phí là 1.590.099.840 đồng (*Một tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng*) cho Chi cục Thuế huyện Đ, tỉnh Điện Biên nay là Đội thuế liên huyện Đ - B thuộc Chi cục thuế khu vực IX.

Ghi nhận bị cáo Trần Nguyên N đã tự nguyện nộp khắc phục xong toàn bộ số tiền 1.590.099.840 đồng (*Một tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng*), tuyên trả cho Nguyên đơn dân sự - Đội thuế liên huyện Đ - B thuộc Chi cục thuế khu vực IX số tiền 1.590.099.840 đồng (*Một tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng*) đang trong tài khoản số 3949.0.1011953.xxxxx của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên (theo Ủy nhiệm chi ký hiệu C4-02a/NS lập ngày 15/01/2025 của Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên – BL 4232).

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 vỏ màu

đen; số IMEI 1: 354690577025xxx, số IMEI 2: 355864867025xxx, tình trạng cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trần Nguyên N

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 15 tháng 01 năm 2025).

4. Về án phí: áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trần Nguyên N có quyền kháng cáo bản án, Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC 02)
- Cơ quan thi hành án hình sự tỉnh;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn DS, Người có NVLQ;
- Lưu: HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hòa